TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2017
V/v: "Ly hôn giữa
chị T và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông: Lê Văn Viện
- Ông: Nguyễn Văn Hà

- Thư ký phiên tòa: bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký TAND huyện Nam Trực.

Ngày 16 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXX- ST ngày 07 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Chị Phan Thị T – sinh năm 1981.
Địa chỉ: 8/74/188 Trần Quang K, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.
Bị đơn: Anh Bùi Văn T – sinh năm 1980.
Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định
(Tại phiên tòa chị T, anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2017 được bổ sung tại bản tự khai ngày 22 tháng 02 năm 2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phan Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:Chị và anh Bùi Ngọc T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 06/11/2007. Trong quá trình chung sống anh T không chịu làm ăn, hay đi đánh bạc, sống vô trách nhiệm với vợ con, hay đánh chị, chị khuyên ngăn anh không thay đổi. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Bùi Thị Yến N sinh ngày 03/3/2009 và Bùi Thị Yến T sinh ngày 15/9/2011 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn T có bản tự khai ngày 01/3/2017 và tại phiên tòa trình bày: thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn của anh chị như chị đã trình bày, Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do công việc không ổn định, kinh tế vợ chồng không đảm bảo cho phát triển và không đáp ứng được nhu cầu của chị T nên vợ chồng có xô sát, cãi chửi nhau. Tuy nhiên anh xác định mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng. Chị T bỏ nhà đi đem theo hai con từ tháng 12/2016 đến nay. Anh vẫn tìm vợ con về đoàn tụ và không nhất trí ly hôn.

Về con chung: anh chị có 02 con chung như chị đã trình bày. Khi ly hôn anh đề nghị mỗi người nuôi 01 con vì công việc của anh lái tắc xi thu nhập mỗi tháng 3 triệu đồng, hiện anh đang ở với bố mẹ anh. Anh lo lắng khi hai con ở với chị nhà thì phải đi thuê, chị đi làm sớm tối, điều kiện an toàn cho con anh không yên tâm.

Về tài sản công nợ: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng , Tòa án nhân dân huyện Nam Trực nhận định:

[1]. Chị T và anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N nên là cuộc hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hòa thuận đến cuối năm 2016 thì mâu thuẫn đến mức chị phải bỏ nhà đi. Anh chị đã ly thân từ tháng 12/ 2016 đến nay. Nay chị xin ly hôn, anh không nhất trí. Chị thì kiên quyết xin ly hôn, anh mong muốn đoàn tụ. Xét cuộc hôn nhân khó tồn tại được do mục đích hôn nhân không đạt được bởi 01 bên muốn đoàn tụ nhưng bên kia kiên quyết khước từ. Do vậy chấp nhận cho chị T được ly hôn anh T để mỗi bên tự lo hạnh phúc riêng của mình.

[2]. Về con chung của anh chị là cháu Bùi Thị Yến N và Bùi Thị Yến T đều đang ở với chị, chị thì muốn nuôi 2 con, anh đề nghị nuôi 01 con, cháu Yến N có nguyện vọng ở với mẹ với lý do bố hay cờ bạc, đánh mẹ. Xét thấy chị hiện còn phải thuê nhà ở, cháu Yến N có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cho chị nuôi còn cháu Yến T giao cho anh nuôi vì anh có thể nhờ mẹ anh hỗ trợ chăm sóc cháu, cũng là để giảm bớt một phần khó khăn cho chị trong hoàn cảnh hiện nay. Không bên nào phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.Các bên được quyền thăm con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản, công nợ đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[4]. Về án phí: chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: giao cho chị T tiếp tục nuôi con chung là Bùi Thị Yến N sinh ngày 03/3/2009 , anh T nuôi con Bùi Thị Yến T sinh ngày 15/9/2011.Không bên nào phải góp tiền cấp dưỡng cho bên nào. Chị T có trách nhiệm giao con Bùi Thị Yến T cho anh T. Các bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị T nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu tiền số: 07172 ngày 22 tháng 02 năm 2017.

Báo cho chị T, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Nam Trực: 02 bản;
- THADS huyện Nam Trực: 01 bản;
- UBND xã N: 01 bản;
- Đương sự: 02 bản;
- Lưu HS: 02 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

Phạm Ngọc Quỳnh